

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TH

Bình Định, ngày tháng năm 2020

V/v rà soát, xây dựng nhu cầu vốn
định canh, định cư vùng đồng bào
DTTS và MN trên địa bàn tỉnh,
giai đoạn 2021 - 2025

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc

Thực hiện Công văn số 1179/UBNDT-CSĐT ngày 15/9/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc gửi tài liệu phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Công văn số 6888/UBND-TH ngày 12/10/2020 về việc gửi tài liệu phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi và rà soát nhu cầu vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025 báo cáo Ủy ban Dân tộc, trong đó xác định dự kiến nhu cầu vốn đối với Dự án 2 (quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết) là 1.418,814 tỷ đồng.

Tuy nhiên, để đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, ưu tiên các danh mục công trình cấp bách cần đầu tư xây dựng, phục vụ phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo rà soát lại nhu cầu vốn đối với Dự án 2, lựa chọn ưu tiên các danh mục đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025. Kết quả tổng hợp theo Phụ lục đính kèm.

UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Ủy ban Dân tộc quan tâm, xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT UBND tỉnh Trần Châu;
- Ban Dân tộc;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

KINH PHÍ DỰ ÁN 2:
QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT (CÁC NỘI DUNG: BỐ TRÍ, SẮP XẾP, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ
VÙNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, VÙNG BIÊN GIỚI, DÂN DI CƯ TỰ DO)
(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày /10/2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên danh mục dự án/Phương án	Số dự án/ Phương án	Địa điểm (xã, huyện)	Quy mô		Tổng mức đầu tư giai đoạn (tr.đ)	Trong đó						Ghi chú
				Hộ	Khẩu		Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương			
							Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	TỔNG CỘNG			468	1.955	119.694	119.694	114.100	5.594				
A	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP			113	425	38.694	38.694	37.400	1.294				
I	Bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do			113	425	38.694	38.694	37.400	1.294				
1	Tập trung												
-	Dự án 1: Định canh định cư tập trung làng K2 (Suối Đá)	1	Xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh	48	175	18.455	18.455	18.455					
	Dự án làng Suối Diếp, xã Canh Hòa, huyện Vân Canh			65	250	20239	20239	18945	1294				
B	DỰ ÁN DỰ KIẾN MỞ MỚI			355	1.530	81.000	81.000	76.700	4.300				
II	Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn			355	1.530	81.000	81.000	76.700	4.300				
1	Tập trung			215	830	60.000	60.000	55.700	4.300				
1.1	Huyện Hoài Ân			55	220	17.000	17.000	15.900	1.100				
-	Dự án Khu Dân cư làng T6 (Làng mới Đak Pok)	1	Xã Đăk Mang, huyện Hoài Ân	30	120	9.200	9.200	8.600	600				
-	Dự án Khu Dân cư thôn 1 và thôn 2 Ân Sơn	1	Xã Ân Sơn, huyện Hoài Ân	25	100	7.800	7.800	7.300	500				
1.2	Huyện An Lão			90	330	21.600	21.600	19.800	1.800				
	Dự án giãn dân xã An Nghĩa		Xã An Nghĩa, huyện An Lão	15	55	3800	3.800	3500	300				
	Dự án giãn dân xã An Hưng		Xã An Hưng, huyện An Lão	15	55	3.500,0	3.500	3200	300				
	Khu dân dân xã An Toàn		Xã An Toàn, huyện An Lão	15	55	3800	3800	3500	300				
	Mở rộng khu dân cư xã An Trung		Xã An Trung, huyện An Lão	15	55	3.500	3.500	3.200	300				

STT	Tên danh mục dự án/Phương án	Số dự án/ Phương án	Địa điểm (xã, huyện)	Quy mô		Tổng mức đầu tư giai đoạn (tr.đ)	Trong đó						
				Hộ	Khẩu		Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Tổng số	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	
	Mở rộng khu giãn dân tập trung xã An Vinh		Xã An Vinh, huyện An Lão	15	55	3.500,0	3.500	3.200	300				
	Mở rộng khu dân cư xã An Quang		Xã An Quang, huyện An Lão	15	55	3.500	3.500	3.200	300				
1.3	Huyện Vân Canh			70	280	21.400	21.400	20.000	1.400				
	Khu dân cư phía Tây (Làng Hiệp Hưng, Hiệp Tiến và Suối Đá)		Xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh	30	120	10.200	10.200	9.600	600				
	Dự án ổn định dân cư xã Canh Liên		Xã Canh Liên, huyện Vân Canh	20	80	5.600	5.600	5.200	400				
	Dự án ổn định dân cư xã Canh Thuận	1	Xã Canh Thuận, huyện Vân Canh	20	80	5.600	5.600	5.200	400				
2	Ổn định tại chỗ			140	700	21.000	21.000	21.000	0				
	Huyện Vĩnh Thạnh			140	700	21.000	21.000	21.000	0				
-	Dự án ổn định dân cư xã Vĩnh Sơn	1	Xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh	20	100	3.000	3.000	3.000					
-	Dự án ổn định dân cư xã Vĩnh Kim	1	Xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh	20	100	3.000	3.000	3.000					
	Dự án ổn định dân cư xã Vĩnh Thuận	1	Xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thạnh	20	100	3.000	3.000	3.000					
	Dự án ổn định dân cư xã Vĩnh Hòa	1	Xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh	20	100	3.000	3.000	3.000					
	Dự án ổn định dân cư xã Vĩnh Hiệp	1	Xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Thạnh	20	100	3.000	3.000	3.000					
	Dự án ổn định dân cư thôn Tà Điệt xã Vĩnh Hảo (thôn ĐBK, tỷ lệ hộ DTTS chiếm 90% và tỷ lệ hộ nghèo DTTS/hộ nghèo chiếm 100%)	1	Xã Vĩnh Hảo, huyện Vĩnh Thạnh	20	100	3.000	3.000	3.000					
	Dự án ổn định dân cư thôn M2 và M3 xã Vĩnh Thịnh (02 thôn ĐBK, tỷ lệ hộ DTTS chiếm 100% và tỷ lệ hộ nghèo DTTS/hộ nghèo chiếm 100%)	1	Xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh	20	100	3.000	3.000	3.000					

Ghi chú: Chi rà soát trên địa bàn xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2015 - 2025 theo kết quả phân định được hướng dẫn tại Công văn số 324/UBND-TS ngày 23/3/2020 của Ủy ban Dân tộc.